

超硬・Cコートエンドミル

レギュラー刃長

Regular



φ0.1~φ6 : 0~-0.02
φ6.1~φ30 : 0~-0.025



(mm)

2枚刃
2Flutes



HES2-C



商品コード Item code	在庫 Stock	寸法 Size (mm)				希望小 売価格 (円) Suggested retail price(¥)
		外径 Tool dia.	刃長 Flute length	全長 Overall length	シャンク 径 Shank dia.	
HES2001-C	□	0.1	0.2	38	3	-
HES2002-C	□	0.2	0.4	38	3	-
HES2003-C	□	0.3	1	38	3	-
HES2004-C	□	0.4	1	38	3	-
HES2005-C	□	0.5	1.5	38	3	-
HES2006-C	□	0.6	1.5	38	3	-
HES2007-C	□	0.7	1.5	38	3	-
HES2008-C	□	0.8	2	38	3	-
HES2009-C	□	0.9	2	38	3	-
HES2010-C	●	1	2.5	40	4	7,040
HES2011-C	□	1.1	3	40	4	-
HES2012-C	□	1.2	3	40	4	-
HES2013-C	□	1.3	4	40	4	-
HES2014-C	□	1.4	4	40	4	-
HES2015-C	●	1.5	4	40	4	7,040
HES2016-C	□	1.6	5	40	4	-
HES2017-C	□	1.7	5	40	4	-
HES2018-C	□	1.8	5	40	4	-
HES2019-C	□	1.9	6	40	4	-
HES2020-C	●	2	6	40	4	7,040
HES2021-C	□	2.1	8	40	4	-
HES2022-C	□	2.2	8	40	4	-
HES2023-C	□	2.3	8	40	4	-
HES2024-C	□	2.4	8	40	4	-
HES2025-C	●	2.5	8	40	4	7,040
HES2026-C	□	2.6	10	45	6	-
HES2027-C	□	2.7	10	45	6	-
HES2028-C	□	2.8	10	45	6	-
HES2029-C	□	2.9	10	45	6	-
HES2030-C	●	3	10	45	6	8,340
HES2031-C	□	3.1	11	45	6	-
HES2032-C	□	3.2	11	45	6	-
HES2033-C	□	3.3	11	45	6	-
HES2034-C	□	3.4	11	45	6	-
HES2035-C	●	3.5	11	45	6	8,670
HES2036-C	□	3.6	12	45	6	-
HES2037-C	□	3.7	12	45	6	-
HES2038-C	□	3.8	12	45	6	-

商品コード Item code	在庫 Stock	寸法 Size (mm)				希望小 売価格 (円) Suggested retail price(¥)
		外径 Tool dia.	刃長 Flute length	全長 Overall length	シャンク 径 Shank dia.	
HES2039-C	□	3.9	12	45	6	-
HES2040-C	●	4	12	45	6	8,670
HES2041-C	□	4.1	14	45	6	-
HES2042-C	□	4.2	14	45	6	-
HES2043-C	□	4.3	14	45	6	-
HES2044-C	□	4.4	14	45	6	-
HES2045-C	●	4.5	14	45	6	9,840
HES2046-C	□	4.6	15	50	6	-
HES2047-C	□	4.7	15	50	6	-
HES2048-C	□	4.8	15	50	6	-
HES2049-C	□	4.9	15	50	6	-
HES2050-C	●	5	15	50	6	9,840
HES2051-C	□	5.1	15	50	6	-
HES2052-C	□	5.2	15	50	6	-
HES2053-C	□	5.3	15	50	6	-
HES2054-C	□	5.4	15	50	6	-
HES2055-C	●	5.5	15	50	6	10,560
HES2056-C	□	5.6	15	50	6	-
HES2057-C	□	5.7	15	50	6	-
HES2058-C	□	5.8	15	50	6	-
HES2059-C	□	5.9	15	50	6	-
HES2060-C	●	6	15	50	6	10,190
HES2061-C	□	6.1	15	50	6	-
HES2062-C	□	6.2	15	50	6	-
HES2063-C	□	6.3	15	50	6	-
HES2064-C	□	6.4	15	50	6	-
HES2065-C	●	6.5	15	50	6	12,140
HES2066-C	□	6.6	20	60	8	-
HES2067-C	□	6.7	20	60	8	-
HES2068-C	□	6.8	20	60	8	-
HES2069-C	□	6.9	20	60	8	-
HES2070-C	●	7	20	60	8	12,140
HES2071-C	□	7.1	20	60	8	-
HES2072-C	□	7.2	20	60	8	-
HES2073-C	□	7.3	20	60	8	-
HES2074-C	□	7.4	20	60	8	-
HES2075-C	●	7.5	20	60	8	13,230
HES2076-C	□	7.6	20	60	8	-

商品コード Item code	在庫 Stock	寸法 Size (mm)				希望小 売価格 (円) Suggested retail price(¥)
		外径 Tool dia.	刃長 Flute length	全長 Overall length	シャンク 径 Shank dia.	
HES2077-C	□	7.7	20	60	8	-
HES2078-C	□	7.8	20	60	8	-
HES2079-C	□	7.9	20	60	8	-
HES2080-C	●	8	20	60	8	13,230
HES2081-C	□	8.1	20	60	8	-
HES2082-C	□	8.2	20	60	8	-
HES2083-C	□	8.3	20	60	8	-
HES2084-C	□	8.4	20	60	8	-
HES2085-C	●	8.5	20	60	8	15,930
HES2086-C	□	8.6	20	65	10	-
HES2087-C	□	8.7	20	65	10	-
HES2088-C	□	8.8	20	65	10	-
HES2089-C	□	8.9	20	65	10	-
HES2090-C	●	9	20	65	10	15,930
HES2091-C	□	9.1	20	65	10	-
HES2092-C	□	9.2	20	65	10	-
HES2093-C	□	9.3	20	65	10	-
HES2094-C	□	9.4	20	65	10	-
HES2095-C	●	9.5	20	65	10	17,780
HES2096-C	□	9.6	25	70	10	-
HES2097-C	□	9.7	25	70	10	-
HES2098-C	□	9.8	25	70	10	-
HES2099-C	□	9.9	25	70	10	-
HES2100-C	●	10	25	70	10	16,310
HES2105-C	●	10.5	25	70	10	19,520
HES2110-C	●	11	25	75	12	19,520
HES2120-C	●	12	25	75	12	22,100
HES2130-C	●	13	25	75	12	31,500
HES2140-C	●	14	35	90	16	35,120
HES2150-C	●	15	35	90	16	44,400
HES2160-C	●	16	35	90	16	44,920
HES2170-C	□	17	35	90	16	-
HES2180-C	●	18	40	105	20	69,690
HES2190-C	□	19	40	105	20	-
HES2200-C	●	20	40	105	20	76,140
HES2220-C	●	22	45	115	20	88,790
HES2250-C	●	25	50	120	25	131,620
HES2300-C	□	30	55	130	32	-

HES2-Cの対応被削材

Applicable work material of HES2-C

炭素鋼 Carbon steel Alloy steel	プリハー ド鋼 Pre-hardened steel	高硬度 Hardened steel			ステン レス鋼 Stainless steel	チタン合金 耐熱合金 Titanium alloy Heat-resistant alloy	銅合金 Copper alloy	アルミ 合金 Aluminum alloy
		> 45HRC ≤ 55HRC	> 55HRC ≤ 65HRC	> 65HRC				
○	○	○	○		○	○	○	○

再研磨対応外径範囲

Re-grinding compatibility range

商品コード Item code	外周 Outer dia. (mm)	エンド End (mm)
HES2-C	6 ~ 30	2 ~ 30